QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO TIẾP CẬN CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nguyễn Ngọc Lượng
Trường Trung cấp Y Khoa Pasteur
Email: luongnn68@gmail.com

Tóm tắt: *Bối cảnh chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức quản trị giáo dục, quản lý hoạt động kiểm định chất lượng tại các trường cao đẳng. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tại các trường cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo tiếp cận chuyển đổi số và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý. Nghiên cứu kết hợp phương pháp phân tích tài liệu, khảo sát bằng bảng hỏi đối với 187 cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên thuộc 05 trường cao đẳng, cùng với thống kê mô tả để xử lý dữ liệu. Kết quả cho thấy các trường cao đẳng đã từng bước ứng dụng chuyển đổi số vào lập kế hoạch, tổ chức, giám sát và quản lý hoạt động kiểm định. Tuy nhiên, việc tích hợp dữ liệu, khai thác thông tin phục vụ cải tiến chất lượng, năng lực số của đội ngũ và nguồn lực đầu tư vẫn còn những hạn chế. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện mô hình quản lý kiểm định chất lượng theo tiếp cận chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng lực quản trị và chất lượng giáo dục nghề nghiệp.*

Từ khóa: *Quản lý giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục, chuyển đổi số, trường cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp.*

MANAGING EDUCATIONAL QUALITY ACCREDITATION ACTIVITIES IN COLLEGES IN HO CHI MINH CITY: A DIGITAL TRANSFORMATION APPROACH

Abstract: *The context of digital transformation is reshaping educational governance and the management of quality accreditation activities in colleges. This study aims to assess the current state of managing educational quality accreditation in colleges across Ho Chi Minh City through the lens of digital transformation and to propose solutions for enhancing management efficiency. The study employs a mixed-methods approach, combining document analysis and questionnaire surveys—involving 187 administrators, lecturers, and students from five colleges—with descriptive statistical analysis. The results indicate that colleges have gradually integrated digital transformation into the planning, organization, monitoring, and management of accreditation activities. However, limitations persist regarding data integration, the utilization of information for quality improvement, staff digital competencies, and investment resources. Based on these findings, the study proposes four groups of solutions to refine the quality accreditation management model within a digital transformation framework, thereby contributing to enhanced governance capacity and the quality of vocational education.*

Keywords: *Educational management, educational quality accreditation, digital transformation, colleges, vocational education.*

Nhận bài: 15/06/2026 Phản biện: 16/07/2026 Duyệt đăng: 19/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiểm định chất lượng giáo dục ngày càng trở thành công cụ quản trị quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường trách nhiệm giải trình và củng cố niềm tin của các bên liên quan. Đối với giáo dục nghề nghiệp, kiểm định không chỉ đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn mà còn thúc đẩy cải tiến liên tục, thích ứng với yêu cầu thị trường lao động. Xu hướng hiện nay cho thấy kiểm định đang chuyển từ tiếp cận tuân thủ sang quản trị chất lượng dựa trên dữ liệu, đổi mới và hiệu quả.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạt động quản lý kiểm định cần đổi mới về quy trình, phương thức và cơ chế ra quyết định. Việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo góp phần số hóa minh chứng, rút ngắn quy trình đánh giá và nâng cao khả năng giám sát, dự báo chất lượng.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp được xác định là định hướng chiến lược, thể hiện qua các chính sách như Quyết định 2222/QĐ-TTg và các nghị quyết về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, thực tiễn tại nhiều trường cao đẳng vẫn còn hạn chế như dữ liệu phân tán, thiếu tích hợp và hiệu quả khai thác chưa cao, đặc biệt tại TP. Hồ Chí Minh – nơi có quy mô đào tạo lớn và áp lực về chất lượng nguồn nhân lực.

Xuất phát từ đó, nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tại các trường cao đẳng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh theo tiếp cận chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm chất lượng và năng lực quản trị trong bối cảnh hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng khảo sát bảng hỏi với 187 người tại 05 trường cao đẳng ở Thành phố Hồ Chí Minh, gồm cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên nhằm phản ánh đa chiều thực trạng quản lý kiểm định chất lượng.

Bảng hỏi sử dụng thang Likert 5 mức, tập trung vào bốn nội dung: (1) lập kế hoạch và tổ chức quản lý theo hướng chuyển đổi số; (2) ứng dụng chuyển đổi số trong kiểm định; (3) kiểm tra, giám sát và khai thác dữ liệu số; (4) các điều kiện đảm bảo.

Dữ liệu được xử lý bằng SPSS 26.0, kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha (loại biến có hệ số < 0,30) và phân tích thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn).

2.2. Thực trạng lập kế hoạch và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo tiếp cận chuyển đổi số

Bảng 1. Thực trạng lập kế hoạch và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo tiếp cận chuyển đổi số (n = 187)

STT	Nội dung khảo sát	Standard Deviation	Mean
1	Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng gắn với mục tiêu chuyển đổi số và chiến lược phát triển của đơn vị trong từng giai đoạn	0.71	4.18
2	Việc phân công nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân trong hoạt động kiểm định được thực hiện rõ ràng và thống nhất trên nền tảng quản lý số	0.74	4.06
3	Kế hoạch thu thập, cập nhật và quản lý minh chứng phục vụ kiểm định được triển khai theo quy trình số hóa tương đối đồng bộ	0.79	3.92
4	Các phòng, khoa và đơn vị chức năng phối hợp hiệu quả trong tổ chức hoạt động kiểm định thông qua các hệ thống thông tin dùng chung	0.77	3.98
5	Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh kế hoạch kiểm định dựa trên dữ liệu phản hồi và kết quả thực hiện của các đơn vị	0.82	3.84
6	Lãnh đạo nhà trường quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện để hoạt động kiểm định chất lượng được triển khai gắn với chuyển đổi số	0.68	4.27

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (2026).

Kết quả khảo sát cho thấy công tác lập kế hoạch và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định chất lượng tại các trường cao đẳng được đánh giá ở mức khá (Mean = 3.84–4.27). Nội dung được đánh giá cao nhất là sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường đối với kiểm định gắn với chuyển đổi số (Mean = 4.27), tiếp theo là việc xây dựng kế hoạch kiểm định gắn với chiến lược phát triển và chuyển đổi số (Mean = 4.18).

Ngược lại, rà soát, điều chỉnh kế hoạch dựa trên dữ liệu phản hồi (Mean = 3.84) và số hóa quy trình quản lý minh chứng (Mean = 3.92) có mức đánh giá thấp hơn, cho thấy việc ứng dụng công nghệ số trong quản trị dữ liệu và cải tiến chất lượng chưa đồng đều giữa các trường. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các đơn vị thông qua hệ thống thông tin dùng chung (Mean = 3.98) cho thấy khả năng liên thông và chia sẻ dữ liệu vẫn cần được tăng cường.

Nhìn chung, các trường đã bước đầu tích hợp chuyển đổi số vào quản lý kiểm định chất lượng, nhưng cần tiếp tục ưu tiên khai thác dữ liệu, chuẩn hóa quản lý minh chứng và nâng cao kết nối giữa các đơn vị để hoàn thiện quản trị chất lượng.

2.3. Thực trạng ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục

Bảng 2: Thực trạng ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (n = 187)

STT	Nội dung khảo sát	Standard Deviation	Mean
1	Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý kiểm định để theo dõi tiến độ, lưu trữ và khai thác dữ liệu phục vụ đánh giá chất lượng	0.69	4.15
2	Hệ thống minh chứng điện tử được xây dựng và cập nhật thường xuyên, tạo thuận lợi cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài	0.74	4.03
3	Dữ liệu từ các phòng, khoa và đơn vị được kết nối trên nền tảng số, hạn chế tình trạng trùng lặp và thất lạc thông tin	0.81	3.87
4	Cán bộ, giảng viên được hướng dẫn và hỗ trợ sử dụng các nền tảng số phục vụ quản lý hoạt động kiểm định chất lượng	0.72	4.11
5	Các báo cáo, thống kê và kết quả phân tích dữ liệu kiểm định được tự động hóa, hỗ trợ hiệu quả cho quá trình ra quyết định quản lý	0.84	3.78
6	Nhà trường từng bước khai thác dữ liệu số để dự báo, cảnh báo và hỗ trợ cải tiến chất lượng đào tạo theo yêu cầu kiểm định	0.80	3.81

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (2026).

Kết quả khảo sát cho thấy việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hoạt động kiểm định chất lượng tại các trường cao đẳng đã có những chuyển biến tích cực nhưng chưa đồng đều giữa các nội dung. Giá trị trung bình của các nội dung dao động từ 3.78 đến 4.15, phản ánh mức độ triển khai nhìn chung ở mức khá. Nội dung được đánh giá cao nhất là việc sử dụng phần mềm quản lý kiểm định để theo dõi tiến độ, lưu trữ và khai thác dữ liệu (Mean = 4.15; SD = 0.69). Điều này cho thấy phần lớn các trường đã bắt đầu thay thế phương thức quản lý thủ công bằng các hệ thống quản lý điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và giảm đáng kể thời gian xử lý hồ sơ. Bên cạnh đó, hoạt động hướng dẫn cán bộ, giảng viên sử dụng các nền tảng số cũng đạt mức đánh giá khá cao (Mean = 4.11), phản ánh sự quan tâm của các nhà trường đối với việc nâng cao năng lực số của đội ngũ.

Việc xây dựng hệ thống minh chứng điện tử đạt Mean = 4.03, cho thấy nhiều cơ sở đào tạo đã từng bước hình thành kho dữ liệu phục vụ hoạt động tự đánh giá và kiểm định ngoài. Tuy nhiên, mức độ kết nối dữ liệu giữa các đơn vị vẫn chưa thực sự đồng bộ (Mean = 3.87; SD = 0.81). Kết quả này cho thấy mặc dù các trường đã đầu tư các nền tảng quản lý, việc liên thông dữ liệu giữa các phòng chức năng, khoa chuyên môn và đơn vị bảo đảm chất lượng vẫn còn những hạn chế nhất định. Đáng chú ý, hai nội dung có mức đánh giá thấp nhất là tự động hóa các báo cáo, thống kê và phân tích dữ liệu (Mean = 3.78) và khai thác dữ liệu số để dự báo, cảnh báo và hỗ trợ cải tiến chất lượng (Mean = 3.81). Đồng thời, đây cũng là hai nội dung có độ lệch chuẩn cao nhất (SD = 0.84 và 0.80), phản ánh sự khác biệt khá rõ giữa các trường về mức độ trưởng thành trong chuyển đổi số. Thực tế này cho thấy nhiều cơ sở đào tạo mới dừng lại ở giai đoạn số hóa dữ liệu, trong khi việc sử dụng dữ liệu như một công cụ hỗ trợ quản trị và dự báo còn chưa được phát huy đầy đủ.

Như vậy, các trường cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả bước đầu trong ứng dụng chuyển đổi số vào quản lý hoạt động kiểm định chất lượng. Tuy nhiên, khoảng cách giữa số hóa quy trình và quản trị thông minh dựa trên dữ liệu vẫn còn khá rõ. Điều này cho thấy chuyển đổi số trong quản lý

kiểm định cần tiếp tục được đầu tư theo hướng tích hợp dữ liệu, nâng cao mức độ tự động hóa và phát triển các công cụ phân tích hỗ trợ ra quyết định, tạo nền tảng cho việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng hiện đại và bền vững.

2.4. Thực trạng kiểm tra, giám sát và sử dụng dữ liệu số phục vụ cải tiến chất lượng giáo dục

Bảng 3. Thực trạng kiểm tra, giám sát và sử dụng dữ liệu số phục vụ cải tiến chất lượng giáo dục (n = 187)

STT	Nội dung khảo sát	Standard Deviation	Mean
1	Nhà trường thực hiện kiểm tra định kỳ việc triển khai các tiêu chuẩn kiểm định thông qua hệ thống quản lý và báo cáo điện tử	0.67	4.16
2	Kết quả tự đánh giá được cập nhật thường xuyên trên nền tảng số để phục vụ theo dõi và giám sát tiến độ cải tiến chất lượng	0.73	4.08
3	Dữ liệu khảo sát người học, giảng viên và nhà tuyển dụng được khai thác hiệu quả để điều chỉnh hoạt động đào tạo và kiểm định	0.79	3.93
4	Nhà trường sử dụng các chỉ số chất lượng và dữ liệu số để phát hiện sớm những hạn chế trong quá trình thực hiện kiểm định	0.82	3.86
5	Kết quả kiểm tra, giám sát được phản hồi kịp thời đến các đơn vị nhằm triển khai các biện pháp cải tiến phù hợp	0.76	4.01
6	Việc theo dõi hiệu quả các hoạt động cải tiến sau kiểm định được thực hiện trên cơ sở dữ liệu số và các chỉ số đánh giá cụ thể	0.85	3.79

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (2026).

Kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, giám sát và sử dụng dữ liệu số phục vụ cải tiến chất lượng tại các trường cao đẳng được đánh giá ở mức khá, với giá trị trung bình dao động từ 3.79 đến 4.16. Nội dung đạt mức đánh giá cao nhất là thực hiện kiểm tra định kỳ thông qua hệ thống quản lý và báo cáo điện tử (Mean = 4.16; SD = 0.67). Điều này phản ánh nhiều trường đã từng bước chuyển từ hình thức kiểm tra dựa trên hồ sơ giấy sang quản lý trên nền tảng số, góp phần nâng cao tính kịp thời và minh bạch trong công tác giám sát. Bên cạnh đó, việc cập nhật kết quả tự đánh giá trên hệ thống số đạt Mean = 4.08, cho thấy các cơ sở đào tạo đã quan tâm hơn đến việc duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ theo dõi tiến trình cải tiến chất lượng thay vì chỉ chuẩn bị minh chứng cho các đợt đánh giá ngoài. Hoạt động phản hồi kết quả kiểm tra đến các đơn vị cũng được đánh giá tương đối tích cực (Mean = 4.01), thể hiện sự chuyển biến trong cơ chế phối hợp giữa bộ phận bảo đảm chất lượng với các phòng, khoa và đơn vị chuyên môn.

Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến khai thác dữ liệu để hỗ trợ quản trị chất lượng vẫn có mức đánh giá thấp hơn. Cụ thể, việc sử dụng dữ liệu khảo sát của người học, giảng viên và nhà tuyển dụng để điều chỉnh hoạt động đào tạo đạt Mean = 3.93; trong khi ứng dụng các chỉ số chất lượng để phát hiện sớm những hạn chế chỉ đạt Mean = 3.86. Điều này cho thấy dữ liệu đã được thu thập tương đối đầy đủ nhưng chưa được khai thác hiệu quả như một công cụ hỗ trợ phân tích và dự báo. Đáng chú ý, nội dung theo dõi hiệu quả các hoạt động cải tiến sau kiểm định trên cơ sở dữ liệu số có giá trị trung bình thấp nhất (Mean = 3.79; SD = 0.85). Độ lệch chuẩn cao phản ánh sự khác biệt khá lớn giữa các trường về năng lực quản trị dữ liệu sau kiểm định. Thực tế này cho thấy ở nhiều cơ sở đào tạo, việc cải tiến chất lượng vẫn chủ yếu dựa trên các báo cáo tổng hợp hoặc đánh giá định

kỳ, trong khi cơ chế theo dõi liên tục bằng dữ liệu số chưa được thiết lập đầy đủ.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra và giám sát hoạt động kiểm định tại các trường cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã có sự chuyển biến tích cực nhờ ứng dụng các nền tảng số. Tuy nhiên, việc khai thác dữ liệu phục vụ phân tích, dự báo và đánh giá hiệu quả cải tiến vẫn chưa tương xứng với yêu cầu của quản trị chất lượng trong bối cảnh chuyển đổi số. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống dữ liệu chất lượng, phát triển các công cụ phân tích và tăng cường sử dụng các chỉ số quản trị nhằm nâng cao hiệu quả kiểm định và cải tiến chất lượng một cách liên tục.

2.5. Thực trạng các điều kiện bảo đảm cho quản lý hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo tiếp cận chuyển đổi số

Kết quả khảo sát cho thấy các điều kiện bảo đảm cho quản lý hoạt động kiểm định chất lượng theo tiếp cận chuyển đổi số được đánh giá ở mức khá, với giá trị trung bình dao động từ 3.73 đến 4.26. Trong đó, sự cam kết và tạo điều kiện của lãnh đạo nhà trường đạt điểm trung bình cao nhất (Mean = 4.26; SD = 0.65). Kết quả này phản ánh nhận thức ngày càng rõ của lãnh đạo các trường về vai trò của chuyển đổi số đối với việc nâng cao chất lượng quản trị và đáp ứng yêu cầu kiểm định trong giai đoạn mới. Nội dung hoàn thiện các quy định và quy trình quản lý hoạt động kiểm định phù hợp với chuyển đổi số đạt Mean = 4.18, cho thấy nhiều trường đã chủ động rà soát, điều chỉnh các quy chế nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị trên môi trường số. Đồng thời, công tác bồi dưỡng đội ngũ phụ trách bảo đảm chất lượng cũng được đánh giá tích cực (Mean = 4.12), phản ánh sự quan tâm của các cơ sở đào tạo đối với việc nâng cao năng lực số của cán bộ quản lý và giảng viên tham gia hoạt động kiểm định.

Mặc dù vậy, kết quả khảo sát cũng chỉ ra một số hạn chế cần được quan tâm. Hạ tầng công nghệ thông tin đạt Mean = 4.04, phản ánh các trường đã có sự đầu tư nhất định nhưng mức độ đáp ứng chưa thật sự đồng đều giữa các đơn vị. Sự phối hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các phòng, khoa đạt Mean = 3.95, cho thấy việc hình thành hệ sinh thái dữ liệu thống nhất vẫn còn gặp những rào cản nhất định về quy trình, kỹ thuật và cơ chế phối hợp. Đáng chú ý, nguồn kinh phí dành cho đầu tư công nghệ và triển khai hoạt động kiểm định là nội dung có mức đánh giá thấp nhất (Mean = 3.73; SD = 0.84). Độ lệch chuẩn cao cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các trường về khả năng bố trí nguồn lực tài chính phục vụ chuyển đổi số. Thực tế này phản ánh quá trình hiện đại hóa hoạt động kiểm định không chỉ phụ thuộc vào quyết tâm của nhà trường mà còn chịu tác động bởi điều kiện ngân sách, quy mô đào tạo và khả năng huy động các nguồn lực xã hội.

III. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO TIẾP CẬN CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.1. Hoàn thiện mô hình quản lý theo hướng số hóa

Các trường cần chuyển từ quản lý hồ sơ hành chính sang quản trị số và quản trị dựa trên dữ liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm định tập trung, kết nối các đơn vị để giảm trùng lặp, tăng chia sẻ thông tin và hỗ trợ ra quyết định.

3.2. Phát triển hạ tầng và phần mềm kiểm định

Đầu tư hệ thống quản lý minh chứng điện tử, phần mềm theo dõi kiểm định, kho dữ liệu và công cụ phân tích; tích hợp với các hệ thống đào tạo, khảo thí, khảo sát và bảo đảm chất lượng, đồng thời bảo đảm an toàn và bảo mật dữ liệu.

3.3. Nâng cao năng lực đội ngũ

Tăng cường bồi dưỡng cán bộ, giảng viên về quản trị dữ liệu, sử dụng phần mềm kiểm định, phân tích dữ liệu và ứng dụng AI; phát triển tư duy quản trị chất lượng dựa trên minh chứng nhằm duy trì cải tiến liên tục.

3.4. Tăng cường giám sát và cải tiến dựa trên dữ liệu

Xây dựng hệ thống chỉ số theo dõi kiểm định, kết nối dữ liệu đào tạo, nghiên cứu, việc làm và phản hồi của doanh nghiệp để hỗ trợ giám sát, điều chỉnh kịp thời; thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều, gắn kết quả kiểm tra với kế hoạch cải tiến và từng bước áp dụng quản trị rủi ro.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ nâng cao hiệu quả quản lý kiểm định chất lượng, hình thành hệ thống quản trị hiện đại, minh bạch và xây dựng văn hóa chất lượng dựa trên dữ liệu và cải tiến liên tục.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các trường cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức, hoàn thiện quy trình quản lý và từng bước ứng dụng

công nghệ số vào hoạt động kiểm định chất lượng. Tuy nhiên, mức độ chuyển đổi số giữa các trường chưa đồng đều; việc tích hợp và khai thác dữ liệu phục vụ quản trị chất lượng, năng lực số của đội ngũ và nguồn lực đầu tư cho hạ tầng công nghệ vẫn còn là những hạn chế cần tiếp tục được khắc phục. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài báo đã đề xuất bốn nhóm giải pháp trọng tâm. Các giải pháp này có ý nghĩa tham khảo đối với các trường cao đẳng trong quá trình xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng hiện đại và nâng cao hiệu quả quản trị trong bối cảnh chuyển đổi số. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế do mẫu khảo sát chỉ được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nên khả năng khái quát cho toàn bộ hệ thống giáo dục nghề nghiệp còn nhất định. Bên cạnh đó, nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và chưa phân tích mối quan hệ tác động giữa các yếu tố quản lý. Trong thời gian tới, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát đến nhiều địa phương, kết hợp các phương pháp phân tích đa biến hoặc mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM), đồng thời đánh giá tác động của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và quản trị rủi ro đối với hiệu quả quản lý hoạt động kiểm định chất lượng trong các trường cao đẳng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abad-Segura, E., González-Zamar, M. D., Infante Moro, J. C., & Ruipérez García, G. (2017). Sustainable management of digital transformation in higher education: Global research trends. Sustainability.

Bhattacharya, A. (2023). Digital transformation challenges in educational institutions. EHL Insights. https://hospitalityinsights.ehl.edu/digital-educationtransformation.

Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. (2023). Thực trạng hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam. Báo cáo trình bày tại Hội thảo bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo tiếp cận dựa trên rủi ro. Hà Nội

Phạm Thị Minh Hiền. (2025). Các giải pháp quản lí bảo đảm chất lượng bên ngoài trường cao đẳng theo tiếp cận dựa trên rủi ro. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 21(4), 27-34. https://doi.org/10.15625/2615-8957/12510404

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. (2017). Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng đến năm 2025, Hà Nội.

Warren S. J., Boston, V. E., Tincher, B., Yang, J. (2026), "Enhancing quality assurance through strategic artificial intelligence integration: a framework for higher education digital transformation". Quality Assurance in Education, 34(2), 205–222, doi: https://doi.org/10.1108/QAE-09-2024-0183